TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 28

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong bốn số thập phân dưới đây, số lớn nhất là:

A. 5,51 **B.** 5,4 **C.** 5,41 **D.** 5,32

Câu 2. Hỗn số 4 3/8 viết thành phân số là:

A. 35/32 **B.** 7/8 **C.** 35/8 **D.** 20/8

Câu 3. Trong số thập phân 59,847, chữ số 4 thuộc hàng nào?

A. hàng phần nghìn **B.** hàng phần mười

C. hàng chục **D.** hàng phần trăm

Câu 4. 81,84 : 100 = …….

A. 81 840 **B.** 0,8184 **C.** 818,4 **D.** 8,184

Câu 5. 3464 m = ……. km

A. 3,464 **B.** 0,3464 **C.** 34,64 **D.** 346,4

Câu 6. Hình thang có đáy lớn 13 cm, đáy bé 7 cm, chiều cao 4 cm. Diện tích hình thang là:

A. 182 cm² **B.** 24 cm² **C.** 80 cm² **D.** 40 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 30,51 ……. 30,5

b) 5,4 ……. 5,40

c) 4 tấn 50 kg ……. 4,05 tấn

d) 3 ha ……. 30 000 m²

Bài 2. Tính (viết kết quả dưới dạng phân số tối giản):

a) 5/2 × 2/9 = …….

b) 5/2 : 1/5 = …….

c) 2/9 + 1/3 = …….

Bài 3. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 543,26 + 51,1 = …….

b) 373,1 − 34,92 = …….

c) 39,8 × 6,2 = …….

d) 11,28 : 0,8 = …….

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 m 3 cm = …… m

b) 5 kg 28 g = …… kg

c) 3 ha = …… m^2

d) 7100 m^2 = …… ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 12 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 12 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 8 dm: …… dm

Bài 6. Một tổ may cắt 6 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 4,4 m vải. Giá mỗi mét vải là 65 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 28

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	C	D	B	A	D

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 30,51 > 30,5

b) 5,4 = 5,40

c) 4 tấn 50 kg = 4,05 tấn

d) 3 ha = 30 000 m²

Bài 2.

a) 5/2 × 2/9 = 5/9

b) 5/2 : 1/5 = 25/2

c) 2/9 + 1/3 = 5/9

Bài 3.

a) 543,26 + 51,1 = 594,36

b) 373,1 − 34,92 = 338,18

c) 39,8 × 6,2 = 246,76

d) 11,28 : 0,8 = 14,1

Bài 4.

a) 6,03

b) 5,028

c) 30 000

d) 0,71

Bài 5.

a) 12 × 2 × 3,14 = 75,36

b) 12 × 12 × 3,14 = 452,16

c) 8 × 3,14 = 25,12

Bài 6.

Số vải: 4,4 × 6 = 26,4 (m)

Số tiền: 65 000 × 26,4 = 1 716 000 (đồng)